

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

TIẾNG VIỆT LỚP 1

Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ 1 · 30 phút · Thang điểm 10

Họ và tên: Lớp:

Đề tự biên soạn để ôn tập theo tiến độ Kết nối tri thức. Người lớn đọc yêu cầu; riêng câu 3 nghe học sinh đọc để chấm. Đây là phiếu luyện tập giai đoạn đầu học chữ.

Bé và bà



Bà ở nhà. Bé cho gà ăn.

Ngữ liệu biên soạn riêng cho bộ đề ôn tập.

I. Nhận tiếng và đọc

Câu 1 (1 điểm). Tiếng nào có vần an?

A. bàn

B. bên

C. bún

Câu 2 (1 điểm). Tiếng nào bắt đầu bằng chữ m?

A. ba

B. mẹ

C. cô

Câu 3 (2 điểm). Đọc thành tiếng: ba, cô, mẹ, nhà. Đọc hai câu trong bài Bé và bà.

II. Điền chữ và tập chép

Câu 4 (2 điểm). Điền g hoặc gh: a) ...à; b) ...ế.

Câu 5 (2 điểm). Chép lại: bà, mẹ, cá, nơ.

Câu 6 (2 điểm). Chép lại câu: Bé cho gà ăn.

HẾT PHẦN ĐỀ

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập giữa học kì I Tiếng Việt 1 – KNTT – Bộ 1

Chấm theo từng ý; chấp nhận cách làm khác đúng. Các ví dụ trả lời mở không phải đáp án duy nhất.

Câu 1 · 1 điểm

A. bàn

- Tiếng bàn gồm âm b, vần an và thanh huyền.

Chọn đúng: 1 điểm.

Câu 2 · 1 điểm

B. mẹ

- Tiếng mẹ bắt đầu bằng chữ m.

Chọn đúng: 1 điểm.

Câu 3 · 2 điểm

Đọc đúng bốn tiếng và hai câu ngắn.

- Người lớn nghe từng tiếng, cho học sinh tự sửa nếu cần; không đọc thay.

Đọc đúng bốn tiếng, mỗi tiếng 0,25 điểm: 1 điểm. Đọc được hai câu, mỗi câu 0,5 điểm: 1 điểm.

Câu 4 · 2 điểm

a) gà; b) ghế

- Viết g trước a; viết gh trước ê.

gà: 1 điểm. ghế: 1 điểm.

Câu 5 · 2 điểm

bà, mẹ, cá, nơ

- Chép từng tiếng, chú ý dấu huyền và dấu sắc.

Mỗi tiếng đúng 0,5 điểm: 2 điểm.

Câu 6 · 2 điểm

Bé cho gà ăn.

- Viết hoa chữ B, đủ các tiếng và dấu chấm cuối câu.

Đủ, đúng tiếng và dấu: 1.5 điểm. Viết hoa, dấu chấm, chữ rõ: 0.5 điểm.

Nguồn đối chiếu

Đối chiếu tiến độ và dạng bài; ngữ liệu, số liệu và câu hỏi được soạn riêng. Các đề mẫu chỉ dùng tham khảo cấu trúc, không thay thế tiến độ từng kỳ.

- [Phân phối chương trình lớp 1 KNTT – Download.vn](#)